

Bản án số: 55/2025/HS-ST
Ngày: 22-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuý Loan – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lại Ngọc S (tên gọi khác: không), sinh ngày 24 tháng 10 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: 2 B, phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 2 Đ, ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; là con của ông Lại Văn N (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị Lan T (sinh năm 1969); bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 12/3/2012, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 50/2012/HSST; chấp hành xong án phạt tù ngày 28/8/2014;

- Ngày 12/6/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 36/2019/HS-ST; chấp hành xong án phạt tù ngày 02/02/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Bà Dương Thị M, sinh năm 1962; thường trú: Căn hộ CC906 CT1, Chung cư S, Số A M, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 18.02 Lock E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Phước L, sinh năm 2003; thường trú: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Số B Đ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Hộ kinh doanh H; địa chỉ: Số A Đ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Trương Văn K (tên gọi khác S1), sinh năm 1975; thường trú: Số 20C Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số A Đ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Phan Ngọc V, sinh năm 1942; địa chỉ: Số E ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Ông Phan Ngọc T1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Cơ sở kinh doanh Tiệm cầm đồ 379, địa chỉ: Số D N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; do ông Huỳnh Khánh T2; địa chỉ 2 N, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, là chủ cơ sở. (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 1957; thường trú: Căn hộ CC906 CT1, Chung cư S, Số A M, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 18.02 Lock E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 30/9/2024, Lại Ngọc S điều khiển xe máy biển số 71H4-2049 đi từ huyện N dạo quanh các tuyến đường Q tìm tài sản sơ hở để cướp giật tài sản. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến trước địa chỉ D đường số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, S nhìn thấy bà Dương Thị M đang đi bộ cùng chồng. Bà M đeo 01 túi xách màu nâu, bên trong có 01 điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng, tiền mặt 1.000.000 đồng và giấy tờ cá nhân. S áp sát bà M, giật túi xách của bà M rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi kiểm tra, S lấy điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng, tiền mặt 1.000.000 đồng, còn túi xách và giấy tờ, S vứt tại gầm cầu K, đường T, phường T, Quận G.

Đến khoảng 19 giờ ngày 01/10/2024, S qua nhà Phạm Phước L, nói rủ L đi công chuyện. S chở L đến điểm mua bán đồ cũ H, địa chỉ A Đ, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. S nói với L là S mới nhặt được điện thoại, kêu L vào bán điện thoại và nói là do nhặt được. S đưa L điện thoại Iphone XS màu vàng để L vào bán cho ông Trương Văn K. L nói điện thoại nhặt được, ông K mua với giá 700.000 đồng. Số tiền lấy trong túi xách và bán điện thoại có được, S dùng trả nợ và mua bia sử dụng hết.

Ngày 30/9/2024, bà Dương Thị M đến Công an phường T trình báo. Qua truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q mời Lại Ngọc S về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, S khai nhận hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 357/KL-HĐĐGTS ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận G: 01 điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng 64 Gb đã qua sử dụng, có giá trị 3.100.000 đồng; 01 túi xách màu nâu kích thước 20cm x 10cm x 05cm đã qua sử dụng, có giá trị 100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Lại Ngọc S:

+ 01 túi xách màu nâu, đã qua sử dụng, là tài sản của bà Dương Thị M bị S chiếm đoạt.

+ 01 nón bảo hiểm màu đen trắng, 01 quần short màu trắng đen, 01 áo thun màu đen trắng, 01 đôi dép màu xám trắng, là trang phục Sang mặc khi phạm tội.

+ 01 xe máy biển số 71H4-2049, số khung RLGSB10AH9H005595, số máy: VMSB8A-H005595, phương tiện S sử dụng để phạm tội, S khai mua của 01 người không rõ lai lịch. Qua xác minh, xe do ông Phan Ngọc V đứng tên chủ xe. Ông V tặng cho xe cho ông Phan Ngọc T1. Ông T1 cầm cố xe tại tiệm cầm đồ 379, địa chỉ số D N, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng đã thanh lý do quá thời hạn cầm cố. Xác minh tại địa chỉ trên, tiệm cầm đồ 379, do Huỳnh Khánh T2 (địa chỉ 2 N, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện cơ sở kinh doanh, đã ngừng hoạt động từ tháng 10/2023. T2 không thực tế cư ngụ ở địa phương.

- Thu giữ của ông Trương Văn K: 01 điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng, Là tài sản bị S chiếm đoạt.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả 01 túi xách màu nâu và 01 điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng cho bà Dương Thị M.

Về dân sự: Bị hại bà Dương Thị M đã nhận lại túi xách màu nâu và điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng, và có yêu cầu được bồi thường số tiền đã mất là 1.000.000 đồng. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn K, ông Phan Ngọc V, ông Phan Ngọc T1 không yêu cầu.

Bản Cáo trạng số 53/CT-VKSQ7 ngày 17/3/2025 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Lại Ngọc S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 38; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lại Ngọc S từ 03 năm 06 tháng đến 04

năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”; và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã nêu, không tự bào chữa, không tranh luận, và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.1] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: để có tiền tiêu xài, Ngày 30/9/2024, tại trước địa chỉ D đường số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Lại Ngọc S có hành vi sử dụng xe máy, nhanh chóng bất ngờ cướp giật, chiếm đoạt 01 túi xách của bà Dương Thị M, bên trong có 1.000.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Iphone XS màu vàng và giấy tờ cá nhân. Tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị 4.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác đang lưu thông trên đường; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi cướp giật tài sản. Do đó, phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

[4] Xử lý vật chứng:

+ 01 nón bảo hiểm màu đen trắng, 01 quần short màu trắng đen, 01 áo thun màu đen trắng, 01 đôi dép màu xám trắng: là trang phục Sang mặc khi phạm tội. S từ chối nhận lại vật chứng, nên tịch thu để tiêu hủy.

+ 01 xe máy biển số 71H4-2049, số khung RLGSB10AH9H005595, số máy: VMSB8A-H005595, phương tiện S sử dụng để phạm tội, S khai mua của

01 người không rõ lai lịch. Nên tiếp tục đăng tin tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, bà Dương Thị M đã nhận lại tài sản, và yêu cầu được bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên toà, bị cáo S đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà M nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ông Trương Văn K, ông Phan Ngọc V, ông Phan Ngọc T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có là 700.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lại Ngọc S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng Điều 38; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lại Ngọc S 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2024.

2. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu để tiêu huỷ: 01 nón bảo hiểm màu đen trắng, 01 quần short màu trắng đen, 01 áo thun màu đen trắng, 01 đôi dép màu xám trắng.

- Tiếp tục đăng tin tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: 01 xe máy biển số 71H4-2049, số khung RLGSB10AH9H005595, số máy: VMSB8A-H005595.

(Theo Biên bản V/v giao, nhận vật chứng tài sản số 69 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Buộc bị cáo Lại Ngọc S phải nộp lại số tiền 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Lại Ngọc S bồi thường cho bà Dương Thị M số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo

quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM ;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (TK loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc San Hà